

BẢN MÔ TẢ

Chương trình đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ

Ngành: Sư phạm Lịch sử

(Ban hành theo Quyết định số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

I. Thông tin chung

1. Tên ngành: Sư phạm Lịch sử
Tên tiếng Việt: Sư phạm Lịch sử
Tên tiếng Anh: History Teacher Education
2. Mã số ngành đào tạo: 52140218
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Thời gian đào tạo: 4 năm
5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử
Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in History Teacher Education
6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Viện Sư phạm xã hội
7. Chương trình đối sánh:
- *Chương trình đào tạo của các trường Đại học sư phạm trong nước: ĐHSP Hà Nội 1, ĐHSP Hà Nội 2, ĐHSP Thái Nguyên, ĐHSP Huế, ĐHSP Đà Nẵng, ĐHSP TP.Hồ Chí Minh*
8. Hình thức đào tạo: Chính quy - Tập trung
9. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
10. Thông tin tuyển sinh
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp kỳ thi THPT quốc gia
- Hình thức tuyển sinh: Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 50 sinh viên/năm.
11. Điều kiện nhập học
- Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành Sư phạm Lịch sử
- Đảm bảo đủ sức khỏe theo quy định cho các ngành nghề đào tạo.
- Có đầy đủ các hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
12. Điều kiện tốt nghiệp
(Trích Điều 27, Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp).
- Trong thời gian học tập theo quy định của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ 125 tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4).
- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương;
- Hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo quy định;
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục QP-AN, Giáo dục thể chất.

13. Ngày tháng ban hành

14. Phiên bản chỉnh sửa: (Ghi rõ lần thứ mấy, ngày ... tháng... năm...)

II. Mục tiêu chương trình đào tạo

Đào tạo Cử nhân Sư phạm Lịch sử có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, về ngành Sư phạm như Tâm lý học, Giáo dục học, Ngoại ngữ, Tin học; có kiến thức cốt lõi và nâng cao ngành sư phạm Lịch sử;

Có kỹ năng nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, phát triển Chương trình nhà trường THPT môn Lịch sử trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế;

Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp, có kỹ năng hoạt động trong nhà trường và xã hội để nhanh chóng thích ứng với thế giới việc làm;

III. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra cấp chương trình được thiết kế theo 4 nhóm nội dung:

TT	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và khoa học xã hội - nhân văn	
1.1.1	Hiểu những vấn đề cơ bản của lịch sử triết học	2.0
1.1.2	Hiểu nội dung cơ bản của lý luận chính trị	2.0
1.1.3	Hiểu các đặc điểm nổi bật của văn học Việt Nam	2.0
1.1.4	Hiểu tiến trình lịch sử Việt Nam	2.0
1.1.5	Hiểu nội dung cơ bản của lịch sử văn minh thế giới	2.0
1.1.6	Hiểu nội dung cơ bản của địa lý học	2.0
1.2	Kiến thức nền tảng ngành sư phạm	
1.2.1	Hiểu về ngành sư phạm	3.0
1.2.2	Vận dụng kiến thức Tâm lý học trong dạy học, giáo dục	3.0
1.2.3	Vận dụng kiến thức Giáo dục học trong dạy học, giáo dục	3.0
1.2.4	Vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại trong dạy học	4.0
1.2.5	Vận dụng kiến thức về giao tiếp sư phạm trong dạy học, giáo dục	3.0
1.2.6	Vận dụng kiến thức về đánh giá trong dạy học, giáo dục	3.0
1.2.7	Vận dụng kiến thức về phát triển chương trình trong dạy học, giáo dục	3.0
1.3	Kiến thức cốt lõi ngành Sư phạm Lịch sử	
1.3.1	Hiểu những nội dung cơ bản của Nhân học văn hóa	2.0
1.3.2	Vận dụng Phương pháp luận Sử học trong dạy học, nghiên cứu	3.0
1.3.3	Sử dụng kiến thức Lịch sử thế giới trong dạy học ở phổ thông	3.0
1.3.4	Sử dụng kiến thức Lịch sử Việt Nam trong dạy học ở phổ thông	3.0
1.3.5	Phân tích được các vấn đề lý luận dạy học môn Lịch sử	3.0
1.3.6	Phân tích được yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông	3.0
1.4	Kiến thức nâng cao ngành sư phạm Lịch sử	
1.4.1	Sử dụng kiến thức về quan hệ quốc tế trong dạy học ở phổ thông	3.0
1.4.2	Sử dụng kiến thức về toàn cầu hóa trong dạy học ở phổ thông	3.0
1.4.3	Sử dụng kiến thức về quan hệ bang giao/ngoại giao trong dạy học ở phổ thông	3.0
1.4.4	Sử dụng kiến thức về các cuộc cải cách/đổi mới trong dạy học ở phổ thông	3.0
2	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	
2.1	Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục	
2.1.1	Xác định vấn đề	3.0
2.1.2	Phân tích vấn đề	3.0

2.1.3	Lựa chọn phương án giải quyết vấn đề	3.0
2.1.4	Tiến hành giải quyết vấn đề	3.0
2.2	Kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề	
2.2.1	Xác định đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu	3.0
2.2.2	Xây dựng giả thuyết nghiên cứu	3.0
2.2.3	Thu thập thông tin	3.0
2.2.4	Điều tra, thực nghiệm, giải quyết vấn đề nghiên cứu	3.0
2.2.5	Bảo vệ giả thuyết nghiên cứu	3.0
2.3	Tư duy hệ thống	
2.3.1	Nhận biết tính chỉnh thể của hệ thống	2.0
2.3.2	Phân tích các yếu tố cấu thành hệ thống	3.0
2.3.3	Xác định mối liên hệ giữa các yếu tố trong hệ thống	3.0
2.3.4	Phác thảo hướng giải quyết các mâu thuẫn theo quan điểm hệ thống	3.0
2.4	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân	
2.4.1	Thể hiện kỹ năng sử dụng thời gian và quản lý nguồn lực	3.0
2.4.2	Thể hiện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	3.0
2.4.3	Thể hiện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3.0
2.4.4	Thể hiện kỹ năng nhận thức bản thân	3.0
2.4.5	Tôn trọng sự khác biệt	3.0
2.4.6	Thể hiện ý thức học tập suốt đời	3.0
2.4.7	Thể hiện tư duy phản biện	3.0
2.4.8	Thể hiện tư duy sáng tạo	3.0
2.5	Kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp	
2.5.1	Thể hiện ứng xử chuyên nghiệp	3.0
2.5.2	Thể hiện kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc	3.0
2.5.3	Thể hiện kỹ năng cải tạo môi trường làm việc	3.0
2.5.4	Thể hiện kỹ năng chia sẻ, đồng cảm	3.0
2.5.5	Tiến hành thuyết phục, cảm hóa	3.0
2.5.6	Thể hiện thái độ đánh giá khách quan, công bằng	3.0
2.5.7	Thể hiện lòng trung thành và tính liêm chính	3.0
3	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3.1	Kỹ năng làm việc nhóm	
3.1.1	Tổ chức nhóm	3.0
3.1.2	Lập kế hoạch và triển khai hoạt động nhóm	3.0
3.1.3	Phát triển nhóm	3.0
3.1.4	Lãnh đạo nhóm	3.0
3.1.5	Hợp tác nhóm	3.0
3.2	Kỹ năng giao tiếp	
3.2.1	Xác định chiến lược giao tiếp	3.0
3.2.2	Phân tích đối tượng giao tiếp	3.0
3.2.3	Lựa chọn phương thức giao tiếp	3.0
3.2.4	Thực hiện và điều chỉnh hoạt động giao tiếp	3.0
4	NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN VÀ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC, GIÁO DỤC	
4.1	Nhận thức bối cảnh	
4.1.1	Xác định vai trò và trách nhiệm của người giáo viên Lịch sử THPT	3.0
4.1.2	Phân tích bối cảnh kinh tế - xã hội, văn hóa và giáo dục	3.0
4.1.3	Phân tích đặc điểm của giáo dục ở bậc phổ thông trung học	3.0

4.1.4	Phân tích bối cảnh nhà trường	3.0
4.1.5	Xác định vị trí, vai trò của ngành học	3.0
4.2	Hình thành ý tưởng	
4.2.1	Xác định nhu cầu xã hội và thiết lập mục tiêu	3.0
4.2.2	Định hướng nội dung, phương pháp, hình thức	3.0
4.2.3	Phác thảo quy trình	3.0
4.3	Thiết kế chương trình	
4.3.1	Thiết kế mục tiêu	3.0
4.3.2	Xây dựng nội dung	3.0
4.3.3	Xác định phương pháp và phương tiện dạy học	3.0
4.3.4	Xác định hình thức tổ chức dạy học	3.0
4.3.5	Xác định hình thức kiểm tra, đánh giá	3.0
4.4	Thực hiện chương trình	
4.4.1	Triển khai kế hoạch	3.0
4.4.2	Giám sát, kiểm tra, đánh giá	3.0
4.4.3	Xử lý tình huống sư phạm	3.0
4.4.4	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo	3.0
4.4.5	Tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp	3.0
4.5	Phát triển chương trình	
4.5.1	Phát hiện các vấn đề nảy sinh	3.0
4.5.2	Phân tích thông tin phản hồi và kết quả kiểm tra, đánh giá	3.0
4.5.3	Cải tiến và phát triển chương trình	3.0

IV. Nội dung chương trình đào tạo

4.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 125 tín chỉ, trong đó:

4.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương: tín chỉ

4.1.1.1. Kiến thức đại cương chung: tín chỉ

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	5
2.	Địa lí học đại cương	4
3.	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3
4.	Tiếng Anh 1	3
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6.	Văn học Việt Nam đại cương	3
7.	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối quân sự)	(3)
8.	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)	(2)
9.	Giáo dục quốc phòng 3(QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	(3)
10.	Giáo dục thể chất	(5)
11.	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3
12.	Lịch sử triết học	3
13.	Lịch sử văn minh thế giới	3
14.	Tiếng Anh 2	4
	Tổng:	33

4.1.1.2. Kiến thức đại cương khối ngành: tín chỉ

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1.	Nhập môn ngành sư phạm	2
2.	Tâm lý học	4
3.	Giáo dục học	4
4.	Ứng dụng ICT trong giáo dục	3
5.	Đánh giá trong giáo dục	2
6.	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông	3
7.	Phương pháp dạy học hiện đại	4
8.	Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 4 môn: Bản đồ giáo khoa; Hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Kỹ năng soạn thảo, xử lý văn bản; Kỹ năng thuyết trình)	3
9.	Giao tiếp sư phạm	3
	Tổng	28

4.1.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: tín chỉ

4.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: tín chỉ

TT	Tên học phần	Số TC
1.	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	5
2.	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	5
3.	Lý luận dạy học lịch sử (Những vấn đề chung)	3
4.	Nhân học văn hóa	2
5.	Phương pháp luận sử học	3
6.	Lịch sử thế giới cận đại	5
7.	Lịch sử thế giới hiện đại	5
8.	Lịch sử Việt Nam cận đại & thực tế chuyên môn	5
9.	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5
10.	Tự chọn 2: (Chọn 1 trong 2 môn: Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại; Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế)	3
11.	Tự chọn 3: (Chọn 1 trong 2 môn: Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam; Ngoại giao Việt Nam trong lịch sử)	3
	Tổng	44

4.1.2.2. Kiến thức chuyên ngành: ... tín chỉ

TT	Tên học phần	Số TC
1.	Kiến tập sư phạm	1
2.	Hệ thống các phương pháp dạy học Lịch sử	4
3.	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử	4
4.	Chương trình và sách giáo khoa Lịch sử	4
5.	Thực hành dạy học lịch sử	2

6.	Thực tập sư phạm	5
	Tổng:	20

4.2. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tỷ lệ lý thuyết/ T.luận, bài tập, (T.hành)/Tự học	Phân kỳ
1	EDU20001	Nhập môn ngành sư phạm	2	25/5/60	1
2	POL10001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	5	50/25/150	1
3	EDU20003	Tâm lý học	4	45/15/120	1
4	GEO20001	Địa lí học đại cương	4	40/20/120	1
5	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	30/15/90	2
6	EDU20006	Giáo dục học	4	45/15/120	2
7	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	30/15/90	2
8	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20/10/60	2
9	LIT20002	Văn học Việt Nam đại cương	3	30/15/90	2
	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối quân sự)	(3)	45/0/90	1-3
	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)	(2)	30/0/60	1-3
	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3(QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	(3)	15/(30)/90	1-3
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15/(60)/150	1-3
10	POL10003	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	30/15/90	3
11	INF20010	Ứng dụng ICT trong giáo dục	3	30/(15)/90	3
12	POL20002	Lịch sử triết học	3	30/15/90	3
13	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	3	30/15/90	3
14	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	45/15/120	3
15	EDU20010	Đánh giá trong giáo dục	2	20/10/60	4
16	HIS20006	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông	3	30/15/90	4
17	LIT20005	Phương pháp dạy học hiện đại	4	40/20/120	4
		Tự chọn 1			
18	GEO20002	1.Bản đồ giáo khoa	3	30/(15)/90	4
19	POL20003	2.Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	3	30/15/90	4
20	LIT20003	3.Kĩ năng soạn thảo, xử lý văn bản	3	30/15/90	4
21	LIT20004	4.Kĩ năng thuyết trình	3	30/15/90	4
22	EDU20011	Giao tiếp sư phạm	3	30/15/90	4
23	EDU20012	Kiến tập sư phạm	1	0/(15)/30	5
24	HIS30001	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	5	50/25/150	5
25	HIS30002	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	5	50/25/150	5
26	HIS30003	Lý luận dạy học lịch sử (Những vấn đề chung)	3	30/15/90	5
27	HIS30004	Nhân học văn hóa	2	20/10/60	5
28	HIS30005	Phương pháp luận sử học	3	30/15/90	5
29	HIS30006	Hệ thống các phương pháp dạy học Lịch sử	4	40/20//120	6
30	HIS30007	Lịch sử thế giới cận đại	5	50/25/150	6
31	HIS30008	Lịch sử thế giới hiện đại	5	50/25/150	6

32	HIS30009	Lịch sử Việt Nam cận đại & thực tế chuyên môn	5	60/(15)/150	6
33	HIS30011	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử	4	40/20/120	7
34	HIS30012	Chương trình và sách giáo khoa Lịch sử	4	40/20//120	7
35	HIS30013	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5	50/25/150	7
		Tự chọn 2	3		7
36	HIS30015	1.Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại	3	30/15/90	7
37	HIS30017	2.Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế	3	30/15/90	7
		Tự chọn 3	3		7
38	HIS30010	1. Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam	3	30/15/90	7
39	HIS30014	2. Ngoại giao Việt Nam trong lịch sử	3	30/15/90	7
40	HIS30016	Thực hành dạy học lịch sử	2	0/(30)/60	7
41	HIS30018	Thực tập sư phạm	5	0/(75)/150	8
		Cộng:	125		

4.3. Mô tả học phần: Hoàn thiện sau

V. Ma trận các kỹ năng

Là bảng phân nhiệm các chuẩn đầu ra cho các học phần, trong đó xác định rõ trình độ kỹ năng, năng lực các học phần phải hình thành cho người học (Xem phụ lục đính kèm). *Lưu ý: Các môn học được đánh số thứ tự theo khung Chương trình ở mục 4.2.*

VI. Cách thức đánh giá kết quả học tập

6.1. Thang điểm đánh giá: Thực hiện theo Điều 5 của Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007

6.2. Quy định về cách thức đánh giá: Thực hiện theo Điều 5 của Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007

VII. Điều kiện thực hiện chương trình

7.1. Đội ngũ giảng viên:

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Lê Thế Cường	GVC (2018)	Tiến sĩ (2011)	Lịch sử thế giới	Ví dụ: Quan hệ quốc tế cận hiện đại, Lịch sử thế giới hiện đại.... (10 tín chỉ)
2.	Phạm Ngọc Tân	GVCC.PGS (2009)	Tiến sĩ (1995)	Lịch sử thế giới	Lịch sử văn minh thế giới, Lịch sử thế giới cận đại (8 tín chỉ)
3.	Tôn Nữ Hải Yến	GV	Tiến sĩ (2016)	Lịch sử thế giới	Lịch sử văn minh thế giới Lịch sử thế giới hiện đại (8 tín chỉ)
4.	Nguyễn Văn Tuấn	GVC (2018)	Tiến sĩ (2012)	Lịch sử thế giới	Quan hệ quốc tế cận hiện đại, Lịch sử thế giới cận đại (8 tín chỉ)
5.	Hoàng Thị Hải Yến	GV	Tiến sĩ (2014)	Lịch sử thế giới	Lịch sử văn minh thế giới, Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, Nhân học văn hoá (5 tín chỉ)

6.	Phan Thị Cẩm Vân	GV	Tiến sĩ (2019)	Lịch sử thế giới	Phương pháp luận sử học Lịch sử văn minh thế giới (5 tín chỉ)
7.	Trần Vũ Tài	GVCC.PGS (2016)	Tiến sĩ (2007)	Lịch sử Việt Nam	Tiến trình lịch sử Việt Nam, Lịch sử Việt Nam hiện đại, Ngoại giao Việt Nam trong lịch sử... (10 tín chỉ)
8.	Đậu Đức Anh	GV	Tiến sĩ (2017)	Lịch sử Việt Nam	Tiến trình lịch sử Việt Nam, Lịch sử Việt Nam cận đại, Lịch sử Việt Nam hiện đại,... (10 tín chỉ)
9.	Dương Thị Thanh Hải	GV	Tiến sĩ (2012)	Lịch sử Việt Nam	Tiến trình lịch sử Việt Nam, Lịch sử Việt Nam cận đại, Ngoại giao Việt Nam trong lịch sử... (10 tín chỉ)
10.	Mai Thị Thanh Nga	GV	Tiến sĩ (2016)	Lịch sử Việt Nam	Tiến trình lịch sử Việt Nam, Lịch sử Việt Nam cận đại, Ngoại giao Việt Nam trong lịch sử... (10 tín chỉ)
11.	Nguyễn Quang Hồng	GVCC.PGS (2010)	Tiến sĩ (2000)	Lịch sử Việt Nam	Tiến trình lịch sử Việt Nam, Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam...(10 tín chỉ)
12.	Đặng Như Thường	GV	Tiến sĩ (2014)	Lịch sử Việt nam	Tiến trình lịch sử Việt Nam, Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam...(10 tín chỉ)
13.	Mai Phương Ngọc	GV	Tiến sĩ (2014)	Lịch sử Việt nam	Tiến trình lịch sử Việt Nam, Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam...(10 tín chỉ)
14.	Nguyễn Thị Duyên	GV	Tiến sĩ()	Lý luận và Phương pháp giảng dạy Lịch sử	
15.	Nguyễn Thị Hà	GVC(2006)	Thạc sĩ(1997)	Lý luận và PPGD Lịch sử	Lý luận dạy học lịch sử (Những vấn đề chung), Hệ thống các phương pháp dạy học Lịch sử, Thực hành dạy học lịch sử, Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử, Chương trình và sách giáo khoa Lịch sử (17 tín chỉ)

7.2. Cơ sở vật chất

- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy (dùng chung toàn trường);
- Thực hành: mỗi khóa trình đào tạo có 1 chuyên thực hành chuyên môn trên hiện trường lịch sử
- Ký túc xá (dùng chung toàn trường);
- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao,... (dùng chung toàn trường);

VIII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Nghệ An, ngày tháng 7 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG